

Số: 50/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 757/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-KTNS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Các nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng mức chi

1. Mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị quyết này không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh quản lý)

1. Nội dung, mức chi quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
1	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng (HĐ)	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.440
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người/HĐ	1.200
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	560
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	800
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
3.1	Chủ tịch Hội đồng	Phiếu	560
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	400
II	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	800
2	Thành viên tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	560
3	Thư ký hành chính	Người/nhiệm vụ	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Người/nhiệm vụ	160
III	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
1	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	800
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	400
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	560
IV	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.440
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	1.200
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	560
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	Phiếu	800
V	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Công	
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
1.3	Thư ký khoa học	Công	
1.4	Thư ký hành chính	Công	
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	800

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
VI	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia tổ chuyên gia	Người/nhiệm vụ	1.200
VII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hội đồng	150% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
VIII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt	Hội đồng	200% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
IX	Chi thù lao của các Hội đồng khác		80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
X	Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		
1	Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá	Người/ngày	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
			chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ	Nhiệm vụ	50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 3 của Nghị quyết này
3	Chi tiền thù lao cho tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của tổ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo		100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 3 của Nghị quyết này
XI	Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	1.600

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	560
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/buổi	4.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Báo cáo	2.400
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	240
XII	Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật		
1	Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin	Cuộc	Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
2	Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá	Công	Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
3	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch	Lượt	Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2. Nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ	Triệu đồng/người/tháng	56
II	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	50% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
III	Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ

Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý)

1. Nội dung, mức chi quản lý chương trình, nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
1	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng (HĐ)	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người/HĐ	900

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	420
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	600
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
3.1	Chủ tịch Hội đồng	Phiếu	420
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	300
II	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	420
3	Thư ký hành chính	Người/nhiệm vụ	180
4	Đại biểu được mời tham dự	Người/nhiệm vụ	120
III	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	900
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	600
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	300
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	420
IV	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	900
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	420
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	Phiếu	600
V	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Công	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
1.3	Thư ký khoa học	Công	
1.4	Thư ký hành chính	Công	
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	600
VI	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia tổ chuyên gia	Người/nhiệm vụ	900
VII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hội đồng	150% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
VIII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt	Hội đồng	200% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
IX	Chi thù lao của các Hội đồng khác		80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
X	Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá	Người/ngày	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ	Nhiệm vụ	50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 4 của Nghị quyết này
3	Chi tiền thù lao cho tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của tổ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo		100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 4 của Nghị quyết này
XI	Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	1.200
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	420
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/buổi	3.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Báo cáo	1.800
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	180
XII	Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của UBND xã, phường được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật		
1	Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin	Cuộc	Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi của các cuộc

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
			điều tra do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá	Công	Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
3	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch	Lượt	Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2. Nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ	Triệu đồng/người/tháng	42
II	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	50% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
III	Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ

Điều 5. Nội dung và mức chi cho hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, giao UBND tỉnh quyết định mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm không vượt quá mức chi quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung